

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc



QUY ĐỊNH QUẢN LÝ

**THEO ĐỒ ÁN ĐIỀU CHỈNH QUY HOẠCH XÂY DỰNG VÙNG
HUYỆN NGA SƠN, TỈNH THANH HÓA ĐẾN NĂM 2045,**
(Ban hành kèm theo Quyết định số 4430/QĐ-UBND ngày 07 tháng 11 năm 2024)

Thanh Hóa, năm 2024

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

QUY ĐỊNH QUẢN LÝ

THEO ĐỒ ÁN ĐIỀU CHỈNH QUY HOẠCH XÂY DỰNG VÙNG
HUYỆN NGA SƠN, TỈNH THANH HÓA ĐẾN NĂM 2045,
(Ban hành kèm theo Quyết định số 4430/QĐ-UBND ngày 07 tháng 11 năm 2024)

Thanh Hóa, năm 2024

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH THANH HÓA

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY ĐỊNH

**Quản lý theo đồ án Điều chỉnh Quy hoạch xây dựng vùng huyện Nga Sơn,
tỉnh Thanh Hóa đến năm 2045**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 4430/QĐ-UBND ngày 07 tháng 11 năm 2024
của UBND tỉnh Thanh Hóa)*

Phần I QUY ĐỊNH QUẢN LÝ

Điều 1. Phạm vi, ranh giới, quy mô dân số, đất đai vùng quản lý

1. Phạm vi, ranh giới:

Phạm vi nghiên cứu trên toàn bộ địa giới hành chính huyện Nga Sơn, bao gồm 24 đơn vị hành chính (gồm 01 thị trấn và 23 xã), có ranh giới nghiên cứu lập quy hoạch cụ thể như sau:

- + Phía Bắc: giáp huyện Yên Mô, tỉnh Ninh Bình;
- + Phía Nam: giáp huyện Hậu Lộc và biển Đông;
- + Phía Đông: giáp huyện Kim Sơn, tỉnh Ninh Bình;
- + Phía Tây: giáp huyện Hà Trung và thị xã Bỉm Sơn.

2. Quy mô, đất đai vùng quản lý:

- Quy mô dân số: Dân số hiện trạng là 165.068 người. Dự báo dân số đến năm 2045 khoảng 200.000 người.
- Quy mô đất đai vùng quản lý: 157,82km².

Điều 2. Quy định về các vùng phát triển và các không gian phát triển kinh tế

1. Quy định về các vùng phát triển:

- Tiểu vùng 1 (Vùng trung tâm): Phạm vi bao gồm Thị trấn Nga Sơn và các xã Nga Trung, Nga Thành, Nga Hải, Nga Trường, Nga Bạch. Trung tâm tiểu vùng là thị trấn Nga Sơn. Phát triển đô thị gắn với trung tâm hành chính, chính trị, kinh tế - xã hội của huyện.

- Tiểu vùng 2 (Vùng phía Đông): Phạm vi bao gồm đô thị Hới Đào và các xã Nga Thái, Nga Tân, Nga Thủy. Trung tâm tiểu vùng là đô thị Hới Đào. Phát triển công nghiệp, dịch vụ và các ngành kinh tế biển.

- Tiểu vùng 3 (Vùng phía Bắc): Phạm vi bao gồm đô thị Diên Hộ và các xã Nga Thiện, Nga Giáp, Nga An. Trung tâm tiểu vùng là đô thị Diên Hộ. Phát triển du lịch nghỉ dưỡng, sinh thái, dịch vụ vui chơi giải trí, thể thao (sân golf), du lịch

văn hóa tâm linh và bảo vệ cảnh quan hệ sinh thái.

- Tiểu vùng 4 (Vùng phía Tây): Phạm vi bao gồm Nga Vịnh, Ba Đình, Nga Thẳng, Nga Phượng, Nga Thạch. Phát triển nông nghiệp tập trung và các dịch vụ phục vụ nông nghiệp.

- Các vùng kiểm soát, hạn chế phát triển bao gồm:

- + Các vùng kiểm soát, hạn chế phát triển bao gồm: Khu vực các di tích, danh thắng được xếp hạng. Khu vực cảnh quan nông nghiệp, bảo vệ nguồn nước. Khu vực rừng phòng hộ ven biển.

- + Các khu vực đất Quốc phòng an ninh hiện có và các khu đất đã được quy hoạch cho nhiệm vụ Quốc phòng thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 (như: trường bắn, thao trường huấn luyện, khu tiếp nhận quân nhân dự bị, khu căn cứ chiến đấu, khu căn cứ hậu phương....).

2. Quy định về các không gian phát triển kinh tế:

a) Không gian phát triển công nghiệp:

- Định hướng phát triển công nghiệp đến năm 2045: Toàn huyện có 01 Khu công nghiệp, 03 Cụm công nghiệp, cụ thể như sau:

- + 01 Khu công nghiệp: KCN Nga Tân – 430ha, vị trí tại xã Nga Tân (Trong đó: giai đoạn đến năm 2030: quy mô 150ha, giai đoạn sau năm 2030: quy mô 430ha).

- 03 Cụm công nghiệp, trong đó: CCN Tam Linh: Quy mô 50ha. Vị trí tại thị trấn Nga Sơn; CCN Tư Sy: Quy mô 15ha. Vị trí tại các xã Nga Bạch, Nga Thạch ; CCN Long Sơn: Quy mô 74,4ha. Vị trí tại xã Nga Tân.

- Các vùng không gian phát triển công nghiệp phải tuân thủ theo quy định tại Nghị định số 35/2022/NĐ-CP ngày 28/5/2022 của Chính phủ quy định về quản lý khu công nghiệp và khu kinh tế; Phát triển các CCN tuân thủ theo quy định tại Nghị định số 68/2017/NĐ-CP ngày 25/05/2017 của Chính phủ về quản lý, phát triển cụm công nghiệp và Nghị định số 66/2020/NĐ-CP ngày 11/6/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của nghị định số 68/2017/NĐ-CP ngày 25/5/2017”.

- Quy hoạch, xây dựng, mở rộng các khu, cụm công nghiệp phải đảm bảo các yêu cầu: Tuân thủ các quy định pháp luật về bảo vệ môi trường; Quy hoạch mạng lưới hạ tầng kỹ thuật và cây xanh, đất đai và tổ chức sản xuất thuận lợi và hợp lý. Đầu tư phát triển các cụm công nghiệp phải đi liền với xây dựng đồng bộ các cơ sở dịch vụ, điểm dân cư, tạo điều kiện sống và làm việc cho lao động ở các cụm công nghiệp.

- Định hướng phát triển tiểu thủ công nghiệp và làng nghề: Phục hồi các làng nghề, tiểu thủ công nghiệp truyền thống của địa phương gắn kết phát triển về dịch vụ thương mại, du lịch.

- Các khu vực khai thác khoáng sản thực hiện khai thác theo Luật Khoáng sản và Điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất huyện Nga Sơn giai đoạn 2021-2030.

- Quy định về dải cách ly vệ sinh: Chiều rộng dải cách ly cụm công nghiệp, khu tiểu thủ công nghiệp, làng nghề với các khu chức năng khác phải đảm bảo khoảng cách theo quy định tối thiểu 10m.

- Quy định về bãi phế liệu, phế phẩm: Bãi phế liệu, phế phẩm công nghiệp phải được rào chắn và không làm ảnh hưởng xấu tới điều kiện vệ sinh của các xí nghiệp xung quanh và không làm nhiễm bẩn môi trường. Bãi chứa các phế liệu nguy hiểm (dễ gây cháy nổ, dịch bệnh) phải có biện pháp xử lý các chất độc hại và đảm bảo khoảng cách ly.

b) Không gian phát triển nông – lâm nghiệp:

Căn cứ theo tính chất đặc thù của từng vùng, điều kiện thổ nhưỡng và các định hướng phát triển nông nghiệp của huyện Nga Sơn, xác định các không gian phát triển nông nghiệp của huyện như sau:

- Vùng sản xuất cây lương thực: tập trung tại Nga An, Nga Thiện, Ba Đình, Nga Vịnh, Nga Văn, Nga Thạch.

- Vùng sản xuất rau quả: phục vụ chế biến xuất khẩu (gồm các loại cây vụ đông cho hiệu quả kinh tế cao như: rau, đậu, khoai, ớt, thuốc lá...): Nga Trường, Nga Yên, Nga Trung, Nga An và Nga Thành, Nga Giáp, Nga Hải, Nga Phượng.

- Vùng trồng cây công nghiệp ngắn ngày: ổn định diện tích cói, tại các xã Nga Điền, Nga Phú, Nga Thái, Nga Tân, Nga Tiến, Nga Liên, Nga Thanh, Nga Thủy.

- Vùng nuôi trồng thủy sản: Nga Tân, Nga Tiến, Nga Thủy.

- Bảo tồn và phát triển rừng, trong đó chú trọng phát triển rừng phi lao chắn cát, rừng ngập mặn khu vực ven biển.

c) Không gian phát triển du lịch:

- Phân bố không gian phát triển các khu, điểm du lịch:

+ Khu du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng (Nga Điền và Nga Thiện): Quy mô 480ha. Hình thành quần thể khu du lịch, nghỉ dưỡng sinh thái với các hoạt động vui chơi, giải trí, thể thao (sân golf) là một khu du lịch trọng điểm của huyện và cả tỉnh kết nối chuỗi du lịch gắn kết các khu, điểm du lịch của huyện với các khu du lịch của các huyện phía Bắc (Ninh Bình, Nam Định...)

+ Khu du lịch động Từ Thức và phụ cận: Trong đó, khu du lịch động Từ Thức có quy mô khoảng 6,0ha, thuộc xã Nga Thiện và các điểm di tích phụ cận nằm dọc dãy núi Tam Điệp từ Nga Thiện đến Nga Phú (gồm: động Bạch Á, chùa Bạch Tượng, đền thờ Lê Thị Hoa, đền thờ tướng Trịnh Minh, đền Núi Trúc, Chùa Tiên, Phủ Trèo, Phủ Thông, động Lục Vân Bia Thần, núi Lã Vọng câu cá, chùa Hoàng Cương, cửa Thần Phù, Hồ 6 Đồng Vựa, đền thờ và núi Mai An Tiêm)...

+ Điểm du lịch di tích lịch sử - cách mạng Ba Đình: Đầu tư tạo thành điểm du lịch tham quan giáo dục truyền thống cách mạng gồm phục dựng cảnh quan chiến lũy Ba Đình, bia và tượng đài truyền thống, nhà truyền thống.

+ Điểm du lịch sinh thái trải nghiệm, rừng ngập mặn ven biển (Nga Tân):

Khu vực du lịch sinh thái trải nghiệm, rừng ngập mặn ven biển tại xã Nga Tân có các khu rừng sú vẹt với quy mô 430ha. Từ cửa Lạch Sung là bến thuyền đưa khách ra thăm hòn Nẹ hoặc Sầm Sơn rất thuận lợi.

+ Điểm du lịch sinh thái, trải nghiệm Gò Bơ (Nga Thạch): Khu vực du lịch sinh thái trải nghiệm, tham thực vật ven sông, với quy mô 40ha. Hình thành khu du lịch trên sông Lèn, kết nối với các khu, điểm du lịch đường sông (Ngã Ba Bông, đền Cô Bơ, đền Hàn...)

+ Điểm du lịch cộng đồng, làng nghề: Làng nghề cói (tại các xã Nga Thủy, Nga Thanh, Nga Tân, Nga Liên, Nga Tiến) theo chuỗi kết nối với các địa phương, vùng lân cận; Làng nghề nấu rượu (Nga Điền); Làng nghề mây tre đan (Nga Văn).

d) Không gian phát triển thương mại:

- Định hướng về phát triển hệ thống chợ: Toàn huyện có 13 chợ gồm 02 chợ hạng II và 11 chợ hạng III tại các xã, theo Quyết định số 153/QĐ-TTg ngày 27/02/2023 của Thủ tướng Chính phủ).

Điều 3. Quy định về quản lý hệ thống đô thị và nông thôn

1. Quy định về quản lý hệ thống đô thị:

- Giai đoạn đến năm 2030: Toàn huyện có 02 đô thị, bao gồm thị trấn Nga Sơn, Đô thị Hới Đào. Cụ thể như sau: Thị trấn Nga Sơn (Phạm vi gồm toàn bộ địa giới hành chính của thị trấn Nga Sơn và các xã Nga Yên, Nga Văn). Đô thị Hới Đào (Phạm vi gồm toàn bộ địa giới hành chính của xã Nga Thanh, Nga Liên và Nga Tiến).

- Giai đoạn đến năm 2045: Toàn huyện Nga Sơn có 03 đô thị, gồm: Thị trấn Nga Sơn, Đô thị Hới Đào và phát triển mới Đô thị Điền Hộ (Phạm vi gồm toàn bộ địa giới hành chính của xã Nga Điền và Nga Phú).

2. Quy định về quản lý hệ thống nông thôn:

- Các xã phải được lập quy hoạch chung xây dựng xã để cụ thể hóa quy hoạch vùng huyện theo quy định tại Khoản 6, Điều 2, Nghị định số 72/2019/NĐ-CP ngày 30 tháng 08 năm 2019 về việc Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06 tháng 5 năm 2015 quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng.

- Quản lý và xây dựng các xã nông thôn theo Chương trình nông thôn mới đảm bảo mục tiêu xây dựng nông thôn mới có kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội từng bước hiện đại; xây dựng các trung tâm xã, các điểm dân cư mới tạo động lực mới phát triển kinh tế - xã hội cho khu vực nông thôn.

Điều 4. Quy định về vị trí, vai trò, chức năng, quy mô các công trình hạ tầng xã hội và hạ tầng kỹ thuật mang tính chất vùng

1. Vị trí, vai trò, chức năng, quy mô các công trình hạ tầng xã hội

a) Hệ thống trung tâm hành chính, chính trị:

- Đối với các công trình hành chính, cơ quan cấp huyện: Đầu tư xây dựng

mới và nâng cấp, cải tạo các trụ sở hành chính, công trình cơ quan cấp huyện đảm bảo hiện đại, khang trang đáp ứng nhu cầu làm việc và phục vụ nhân dân, đồng thời đáp ứng yêu cầu đồng bộ về không gian, kiến trúc, cảnh quan cho toàn bộ khu vực trung tâm.

- Đối với các công trình hành chính, cơ quan cấp đô thị: Từng bước đầu tư xây dựng theo các quy hoạch đô thị được duyệt.

- Đối với các công trình hành chính, cơ quan cấp xã, thị trấn: Cải tạo chỉnh trang, nâng cấp các trụ sở UBND các xã đảm bảo yêu cầu trong xây dựng xã Nông thôn mới.

b) Hệ thống công trình Y tế:

- Nâng cấp bệnh viện huyện quy mô giường bệnh đa khoa huyện. Xây dựng mới 02 bệnh viện mới tại đô thị Hối Đào và Điền Hộ.

- Nâng cấp, cải tạo chỉnh trang các trạm y tế cấp xã đảm bảo các tiêu chí do ngành Y tế quản lý.

- Khuyến khích, phát triển các phòng khám đa khoa tư nhân tại các đô thị.

c) Hệ thống công trình Giáo dục:

- Ổn định vị trí các trường Trung hoặc phổ thông; Trung tâm giáo dục nghề; Trung tâm giáo dục thường xuyên như hiện nay. Xây dựng mới 02 trường THPT tại các đô thị Hối Đào và Điền Hộ.

- Hệ thống giáo dục các cấp (Trung học cơ sở, trường tiểu học và trường mầm non): Các công trình hiện trạng được duy trì nâng cấp, cải tạo; Xây mới thêm ở các khu dân cư tập trung, khu đô thị mới đảm bảo quy chuẩn, tiêu chuẩn hiện hành.

- Sau năm 2030 khuyến khích hình thành thêm các trường liên cấp trong các khu vực đô thị theo hình thức xã hội hóa.

d) Hệ thống công trình thiết chế Văn hóa - thể thao:

- Tuân thủ theo quy định tại khoản 26 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao năm 2018.

- Đầu tư xây dựng các công trình, thiết chế văn hóa, thể thao từ cấp huyện đến cấp xã, cấp thôn đảm bảo quy chuẩn QCVN 01: 2021/BXD; bố trí quỹ đất, ưu tiên đầu tư các tổ hợp các công trình, thiết chế văn hóa - thể thao các cấp theo quy định tại Thông tư số 01/2017/TT-BTNMT ngày 09/02/2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định mức sử dụng đất xây dựng cơ sở văn hóa, cơ sở y tế, cơ sở giáo dục đào tạo, cơ sở thể dục thể thao.

- Đầu tư xây dựng khu trung tâm văn hóa - thể thao, công viên tại thị trấn.

- Trung tâm TDTT cấp đô thị gồm các công trình: sân thể thao cơ bản, trung tâm văn hóa thể thao, Cung văn hóa, nhà thiếu nhi, quy mô khoảng 7ha/trung tâm.

- Trung tâm TDTT cấp khu ở: 100% các xã và thị trấn đã có sân thể thao; cải tạo và nâng cấp các khu trung tâm TDTT hiện hữu đạt chuẩn nông thôn mới.

Diện tích đất sân thể thao phổ thông theo Tiêu chuẩn Việt Nam TCVN 4205:2012 và tiêu chí xã nông thôn mới".

e) Hệ thống công trình Quốc phòng:

Tuân thủ theo định hướng “*Quy hoạch cho nhiệm vụ Quốc phòng thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050*”.

2. Vị trí, vai trò, chức năng, quy mô các công trình hạ tầng kỹ thuật

a) Hệ thống giao thông:

- Quốc lộ: Các tuyến Quốc lộ tuân thủ theo Quyết định số 1454/QĐ-TTg ngày 01/9/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt v/v Quy hoạch mạng lưới đường bộ thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 và Quy hoạch tỉnh Thanh Hóa thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2045 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 153/QĐ-TTg ngày 27/02/2023. Cụ thể như sau: Quốc lộ 10 tuân thủ theo Quy hoạch mạng lưới đường bộ thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 1454/QĐ-TTg ngày 01/9/2021. Thuộc nhóm quốc lộ chính yếu khu vực phía Bắc chạy dọc huyện theo hướng Bắc Nam chiều dài 20,0km, nâng cấp đảm bảo tiêu chuẩn đường cấp III, 2 - 4 làn xe; Xây dựng mới tuyến tránh về phía Đông quốc lộ 10 bắt đầu từ xã Nga Thạch đến xã Nga Giáp chiều dài khoảng 10,0km đạt tiêu chuẩn đường cấp III, 2 - 4 làn xe; Nâng cấp 1 đoạn tuyến đường tỉnh 508 (Hà Ninh - Ngã 5 Hạnh) chuyển thành đường quốc lộ 217 KD đảm bảo tiêu chuẩn đường cấp III, 2 - 4 làn xe. Xây dựng mới đoạn tuyến kết nối Quốc lộ 217 KD với đường bộ ven biển đảm bảo tiêu chuẩn đường cấp III, 2 - 4 làn xe; Đường bộ ven biển tuân thủ theo Quy hoạch tỉnh Thanh Hóa thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2045 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 153/QĐ-TTg ngày 27/02/2023 chiều dài 7,5km đạt tiêu chuẩn đường cấp III đồng bằng.

- Đường tỉnh: Các tuyến đường tỉnh đạt tiêu chuẩn đường cấp III, quy mô 02-04 làn xe. Cụ thể: Đường tỉnh 524 (Cầu Báo Văn - Ngã tư Sy - Nga Phú) giữ nguyên hướng tuyến hiện tại, nâng cấp đảm bảo tiêu chuẩn đường cấp III, 2 làn xe Đường tỉnh 527 (Cầu Hà Lan - QL. 10) giữ nguyên hướng tuyến hiện tại, nâng cấp đảm bảo tiêu chuẩn đường cấp III, 2 làn xe; Đường tỉnh 527B (Tứ Thôn - Mộng Giường) giữ nguyên hướng tuyến hiện tại, nâng cấp đảm bảo tiêu chuẩn đường cấp III, 2 làn xe; Nâng cấp 2 tuyến đường huyện lên đường tỉnh bao gồm tuyến đường Nga Nhân (Nga Phương) - Nga Thiện - Nga An (ĐH. 06) và tuyến đường Bến Tín - Cầu Vàng (ĐH. 07) đảm bảo tiêu chuẩn đường cấp III, IV, 2 làn xe; Hoàn thành dự án đường từ KCN Bim Sơn đến đường bộ ven biển đạt tiêu chuẩn đường cấp III, 2 làn xe; Đầu tư xây dựng mới tuyến đường nối Quốc lộ 217B với đường từ KCN Bim Sơn đến đường bộ ven biển đạt tiêu chuẩn đường cấp III, 2 làn xe

- Đường huyện: Nâng cấp, cải tạo và đầu tư xây dựng mới 14 tuyến đường huyện hiện có đạt tiêu chuẩn đường cấp IV, quy mô 2 làn xe theo quy hoạch giao thông vùng huyện Nga Sơn đến năm 2045.

- Hệ thống đường cấp đô thị, đường xã được đầu tư xây dựng theo quy

hoạch đô thị và quy hoạch nông thôn được phê duyệt với quy mô đạt tiêu chuẩn đường cấp V trở lên; Lộ giới hệ thống đường được quản lý theo quy hoạch chung các đô thị và quy hoạch nông thôn.

- Về các điểm đầu nối đường nhánh vào Quốc lộ: Thực hiện theo các Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt các điểm đầu nối vào Quốc lộ.

- Quản lý 04 bến xe khách gồm: Quy hoạch 04 bến xe trên địa bàn huyện bao gồm: Bến xe thị trấn Nga Sơn (loại IV), bến xe Lở xã Nga Phú (loại V), bến xe Đô thị Hối Đào (loại V), bến xe Ngã Tư Sĩ xã Nga Phương (loại V).

- Về giao thông công cộng: Tiếp tục khai thác, nâng cấp tuyến xe bus hiện có. Nghiên cứu phát triển các tuyến bus mới theo các tuyến Quốc lộ, Đường tỉnh theo quy hoạch giao thông toàn tỉnh; tăng cường kết nối huyện với các khu vực trọng điểm trong và ngoài tỉnh.

- Về giao thông đường thủy nội địa: Thực hiện theo Quy hoạch kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 1829/QĐ-TTg ngày 31/10/2021 và Quy hoạch tỉnh Thanh Hóa thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2045 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 153/QĐ-TTg ngày 27/02/2023.

b) Hệ thống công trình cấp nước:

- Nguồn cấp nước: Nguồn cấp nước cho khu vực vùng huyện lấy từ hệ thống sông Lèn, sông Hoạt, sông Càn.

- Nhà máy nước: NMN Nga Thắng giữ nguyên công suất 9.800 m³/ngđ; Nâng công suất NMN thị trấn Nga Yên công suất khoảng 13.000 m³/ngđ (giai đoạn đến năm 2030), 17.000 m³/ngđ (giai đoạn đến năm 2045); Nâng công suất NMN Nga Thiện công suất khoảng 10.500 m³/ngđ (giai đoạn đến năm 2030), 14.000 m³/ngđ (giai đoạn đến năm 2045); Đầu tư xây dựng mới NMN Nga Thủy công suất khoảng 14.000 m³/ngđ.

c) Hệ thống công trình cấp năng lượng:

- Nguồn điện: Được lấy từ các trạm biến áp 110kV Nga Sơn, trạm biến áp 110kV KCN Nga Tân thông qua đường dây 35kV và 22kV. Cập nhật định hướng xây dựng nhà máy điện gió Nga Sơn công suất 50MW theo quy hoạch tỉnh, dự án nghiên cứu xây dựng tại xã Nga An.

- Lưới điện: Tuyến đường dây 500kV từ nhiệt điện Nam Định tới 500kV Thanh Hóa; Tuyến đường dây 220kV từ nhiệt điện Nam Định tới 220kV Hậu Lộc; Tuyến đường dây 110kV từ 110kV Nga Sơn tới 110kV Hậu Lộc 2; Xây dựng mới tuyến điện 110kV từ trạm 110kV Nga Sơn tới trạm 110kV KCN Nga Tân dọc theo tuyến đường Long Sơn; Bảo dưỡng định kỳ đường dây 110kV từ trạm 220kV Bim Sơn tới trạm 110kV Nga Sơn.

d) Hệ thống hạ tầng viễn thông thụ động:

- Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng viễn thông thụ động có công nghệ hiện đại, phù hợp với phương án phát triển hạ tầng viễn thông thụ động tỉnh Thanh Hóa

đến năm 2045, Quy hoạch hạ tầng viễn thông thụ động tỉnh Thanh Hoá đến năm 2020, định hướng đến năm 2030 đã được Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt tại QĐ số 3705/QĐ-UBND ngày 24/9/2015.

- Hệ thống cáp viễn thông: Loại bỏ các đường dây cáp, sợi cáp không còn sử dụng; Thực hiện gia cố hệ thống dây cáp; Hạ ngầm các tuyến cáp theo quy hoạch phải ngầm hóa mạng cáp; Loại bỏ hoặc hạ ngầm các tuyến cáp treo tuyến cáp cắt ngang, tại các ngã tư, nút giao thông. Các tuyến cáp phải bố trí dọc theo các trục giao thông, dành quỹ đất để xây dựng công trình hạ tầng viễn thông.

- Nhu cầu sử dụng đất cho các công trình viễn thông thụ động: Diện tích 01 trạm viễn thông xây dựng mới khoảng 150m²; Diện tích xây dựng cột ăng ten khoảng 80 m² (cụ thể trong các quy hoạch chung đô thị, quy hoạch chung xã trên địa bàn).

e) Hệ thống công trình thoát nước thải:

- Đối với các khu vực đô thị, nông thôn sẽ được xác định cụ thể vị trí, quy mô theo quy hoạch chung đô thị, quy hoạch chung xã.

- Đối với các khu công nghiệp, cụm công nghiệp sẽ được bố trí theo quy hoạch phân khu, chi tiết.

- Đối với khu vực nông thôn các hộ dân cư xây dựng bể tự hoại, đối với các cơ sở sản xuất công nghiệp, trang trại được xử lý triệt để trước khi xả ra môi trường, tuân thủ quy định tại Thông tư 15/2021/TT-BXD ngày 15/12/2021 của Bộ Xây dựng.

g) Quản lý chất thải rắn:

- Giai đoạn trước 2030 vẫn sử dụng lò đốt rác hiện có. Giai đoạn sau năm 2030 thu gom xử lý tại khu XLRT tập trung tại xã Nga Giáp với quy mô 5ha. Các khu vực khác bố trí các khu trung chuyển tập kết rác đưa về khu xử lý tập trung.

h) Quản lý nghĩa trang:

- Khu nghĩa trang tập trung bố trí tại xã Nga Thắng với quy mô 10ha.

- Đối với các đô thị, xã trên địa bàn bố trí 1-2 khu nghĩa trang sẽ được cụ thể hóa tại quy hoạch chung đô thị và quy hoạch chung xây dựng xã.

Điều 5. Quy định về phạm vi bảo vệ, hành lang an toàn đối với các công trình đầu mối, các công trình hạ tầng kỹ thuật chính theo tuyến mang tính chất vùng, liên vùng và các biện pháp bảo vệ môi trường

1. Quy định đối với hệ thống giao thông:

- Đối với đường ngoài đô thị: Hành lang bảo vệ các tuyến đường theo quy định của Luật Giao thông đường bộ và Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24/02/2010 của Chính phủ Quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ, Thông tư số 39/2011/TT-BGTVT ngày 18/5/2011 của Bộ Giao thông Vận tải về việc hướng dẫn thực hiện một số nội dung của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24/02/2010 của Chính phủ.

- Đối với đường đô thị: Quản lý tuân thủ đúng chỉ giới đường đỏ, chỉ giới xây dựng của các tuyến theo quy hoạch đô thị được duyệt.

2. Quy định về bảo vệ nguồn nước:

- Quy định về bảo vệ nguồn nước tuân thủ Nghị định số 43/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ. Trong đó:

+ Phạm vi hành lang bảo vệ nguồn nước đối với hồ chứa thủy điện, thủy lợi: Thực hiện theo Điều 8, Nghị định số 43/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ.

+ Phạm vi hành lang bảo vệ nguồn nước đối với sông, suối, kênh, rạch (hệ thống sông Lèn, Sông Tào, Kênh De...): Thực hiện theo Điều 9, Nghị định số 43/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ.

+ Phạm vi hành lang bảo vệ nguồn nước đối với hồ tự nhiên, hồ nhân tạo ở đô thị, khu dân cư tập trung và các nguồn nước khác: Thực hiện theo Điều 10, Nghị định số 43/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ.

- Quy định về vùng bảo vệ nhà máy nước: Phải xây tường rào bảo vệ bao quanh khu vực xử lý nước trong phạm vi 30m kể từ chân tường các công trình xử lý. Khu vực bảo vệ đường ống cấp nước phân phối chính tối thiểu là 0,5m.

- Quy định về khoảng cách ly môi trường tối thiểu: Đối với trạm bơm từ 15 - 30m; Đối với trạm xử lý nước thải từ 100 - 1000m.

3. Quy định về hành lang an toàn hệ thống điện:

- Quản lý hành lang cách ly đường điện, công trình điện phải tuân thủ theo Luật Điện lực 2004; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật điện lực năm 2012; Nghị định số 14/2014/NĐ-CP ngày 26/02/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Điện lực về an toàn điện; Nghị định 51/2020/NĐ-CP ngày 21/4/2020 của Chính phủ về sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định 14/2014/NĐ-CP ngày 26/02/2014 về quy định chi tiết thi hành Luật Điện lực về an toàn điện;

- Khi lập các đồ án quy hoạch đô thị, nông thôn trên địa bàn phải dành quỹ đất bố trí hành lang bảo vệ an toàn đường dây dẫn điện cao áp trên không tuân thủ theo quy định tại Điều 11 Nghị định 14/2014/NĐ-CP ngày 26/02/2014 về quy định chi tiết thi hành Luật Điện lực về an toàn điện và khoản 7, Điều 1, Nghị định 51/2020/NĐ-CP ngày 21/4/2020 của Chính phủ về sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định 14/2014/NĐ-CP ngày 26/02/2014;

- Quản lý không gian công trình điện: Trong khu vực nội thị, hệ thống đường dây hạ thế và chiếu sáng xây mới phải quy hoạch đi ngầm, hệ thống đường dây hạ thế và chiếu sáng hiện hữu phải được cải tạo theo hướng hạ ngầm. Ngoài ra các công trình cấp điện phải tuân thủ QCVN 01:2021/BXD.

4. Quy định về hành lang an toàn công trình viễn thông thụ động

Thực hiện quản lý phạm vi bảo vệ hành lang an toàn công trình viễn thông theo quy định tại QCVN07-8:2016/BXD Quy chuẩn Quốc gia Công trình viễn

thông và QCVN 33:2019/BTTTT Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về lắp đặt mạng cáp ngoại vi viễn thông.

5. Quy định về bảo vệ hạ tầng Thủy lợi, Đê điều, Phòng chống thiên tai:

- Không thiết kế, bố trí công trình hạ tầng kỹ thuật trong Phạm vi bảo vệ công trình và vùng phụ cận công trình Thủy lợi, Đê điều thực hiện theo quy định tại Điều 23, Luật Đê điều số 79/2000/QH11 và Điều 40, Luật Thủy lợi số 08/2017/QH14; Quyết định số 31/QĐ-UBND ngày 09/11/2018 của UBND tỉnh về quy định phạm vi vùng phụ cận công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh, thuộc trách nhiệm của UBND tỉnh Thanh Hóa để đảm bảo không gây cản trở việc vận hành và an toàn công trình.

- Đối với việc đầu tư xây dựng mới hoặc nâng cấp khu đô thị, điểm dân cư nông thôn và công trình hạ tầng kỹ thuật cần đảm bảo yêu cầu phòng, chống thiên tai theo quy định tại Khoản 12, Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật phòng, chống thiên tai và Luật Đê điều số 60/2020/QH14.

6. Quy định về quản lý chất thải rắn, quản lý nghĩa trang:

a) Quản lý chất thải rắn (CTR):

- Quy định về thu gom và phân loại CTR: Phải thu gom đạt tỷ lệ 100% lượng CTR phát sinh; thực hiện phân loại CTR tại nguồn phát sinh; phải thu gom, xử lý riêng đối với CTR công nghiệp, CTR y tế nguy hại.

- Quy định về xử lý CTR: Ưu tiên các công nghệ xử lý CTR hiện đại, tiết kiệm quỹ đất xây dựng.

- Quy định về khoảng cách ly vệ sinh môi trường: Bãi chôn lấp vệ sinh phải có hàng rào bảo vệ; dải cây xanh cách ly ngoài hàng rào phải có chiều rộng tối thiểu là 20m.

- Quy định về khoảng cách ly vệ sinh môi trường tối thiểu của khu vực sử lý CTR đến khu vực dân cư, công trình công cộng, xí nghiệp chế biến thực phẩm và điểm lấy nước phục vụ sinh hoạt: Bãi chôn lấp CTR hỗn hợp (vô cơ và hữu cơ) hợp vệ sinh 1000m; Bãi chôn lấp vô cơ 100m; Nhà máy xử lý CTR 500m; Điểm, trạm trung chuyển CTR: 25m.

b) Quản lý nghĩa trang:

- Quy định về khoảng cách ly vệ sinh môi trường của các nghĩa trang đến điểm dân cư, công trình công cộng gần nhất: Đối với nghĩa trang có hungr táng tối thiểu là 1.500m nếu không có hệ thống thu gom và xử lý nước dorr từ mộ hungr táng; Đối với nghĩa trang chôn cất 1 lần tối thiểu là 500m; Đối với nghĩa trang cát táng tối thiểu là 100m; Đối với lò hỏa táng: bán kính tối thiểu là 500m tính từ ống khói lò hỏa táng. Trường hợp do điều kiện đất đai hạn chế phải có biện pháp kỹ thuật, môi trường để giảm khoảng cách ly vệ sinh môi trường nhưng phải được cơ quan quản lý môi trường thẩm định, chấp thuận.

- Quy định về nhà tang lễ: Khoảng cách ly tối thiểu đến công trình nhà ở là 100m; đến chợ, trường học là 200m.

7. Quy định về công trình ngầm:

a) Quy định về phát triển hệ thống hạ tầng ngầm:

- Đối với đô thị cũ cải tạo chỉnh trang bao gồm đô thị trung tâm: Cải tạo hạ tầng tập trung vào các đường dây điện, đường dây viễn thông nổi. Từng bước xây dựng hệ thống tuynel, hào, cống bể cáp trong ranh giới quy hoạch.

- Đối với các khu chức năng, khu đô thị xây mới phải xây dựng hệ thống hạ tầng kỹ thuật ngầm, đồng bộ với hệ thống giao thông. Cấm xây dựng mới đường dây nổi tại các khu trung tâm đô thị, khu vực di sản kiến trúc, tuyến phố chính.

- Đối với khu vực nông thôn: từng bước xây dựng hệ thống hạ tầng kỹ thuật ngầm, đồng bộ với hệ thống giao thông.

b) Quy định về hệ thống tuynel, cống, bể cáp:

- Các tuynel chính cấp vùng: Chứa các đường ống có kích thước lớn, đường điện cao thế, đường ống cấp nước, viễn thông phải đảm bảo kích thước cho con người hoặc máy móc đi lại vận hành và sửa chữa.

- Các tuynel nhánh xây dựng dọc theo các trục đường chính đến đường phân khu vực, các tuyến cống bể cáp phục vụ nhu cầu dọc theo tuyến đường phải được xây dựng đồng bộ với các đường giao thông khi xây mới hoặc khi cải tạo tuyến phố.

8. Quy định về các công trình hạ tầng kỹ thuật khác:

Phạm vi bảo vệ các công trình hạ tầng kỹ thuật khác tuân thủ các quy định chuyên ngành tương ứng hiện hành.

9. Quy định về các biện pháp bảo vệ môi trường:

- Thực hiện các giải pháp bảo vệ thiên nhiên, các di sản văn hóa - lịch sử phục vụ cho phát triển du lịch dịch vụ; xử lý hiện trạng ô nhiễm môi trường; đảm bảo an toàn cho nguồn cấp nước sinh hoạt, tưới tiêu, bảo vệ môi trường đất, môi trường không khí; bảo vệ các hệ sinh thái đặc trưng.

- Xây dựng quy chế quản lý bảo vệ môi trường và có biện pháp kiểm soát chặt chẽ ô nhiễm môi trường đối với các vùng bảo tồn, hạn chế phát triển; vùng dân cư đô thị và khu du lịch; vùng rừng phòng hộ, vành đai xanh, hành lang xanh và hệ thống cây xanh công cộng; vùng nông thôn.

- Giám sát, xử lý các vi phạm gây ô nhiễm; đánh giá tác động môi trường và cam kết bảo vệ môi trường đối với từng dự án; áp dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật và công nghệ thích hợp trong các hoạt động bảo vệ môi trường.

- Việc quyết định địa điểm và triển khai các dự án nhạy cảm về môi trường (khu xử lý rác, nghĩa địa, khu xử lý nước thải, các khu chăn nuôi tập trung) sẽ được xem xét cụ thể trên cơ sở định hướng quy hoạch vùng và phải đảm bảo các yêu cầu về khoảng cách an toàn vệ sinh môi trường theo quy định.

Điều 6. Quy định về bảo tồn các di sản thiên nhiên, các công trình kiến

trúc có giá trị, khu danh lam thắng cảnh, khu di tích lịch sử, văn hóa

1. Bảo tồn các di sản thiên nhiên:

- Các di sản thiên nhiên phải được khoanh vùng và thực hiện cấm mốc giới bảo vệ, đảm bảo tuân thủ theo quy định của Luật Di sản văn hoá 2001 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Di sản văn hoá 2009; Nghị định số 98/2010/NĐ-CP ngày 21/9/2010 của Chính phủ; Nghị định số 166/2018/NĐ-CP ngày 25/12/2018 của Chính phủ và Thông tư số 15/2019/TT-BVHTTDL ngày 31/12/2019 của Bộ VHTT&DL quy định chi tiết một số quy định về bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích”.

2. Các công trình kiến trúc có giá trị, khu danh lam thắng cảnh, khu di tích lịch sử, văn hóa:

a) Về lập, phê duyệt quy hoạch, dự án bảo quản, tu bổ phục hồi di tích lịch sử, văn hoá danh lam thắng cảnh:

- Tuân thủ các quy định Luật Di sản văn hóa; Nghị định 98/2010/NĐ-CP ngày 21/9/2010 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Di sản văn hóa và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Di sản văn hóa; Nghị định số 166/2018/NĐ-CP ngày 25/12/2018 của Chính phủ và Thông tư số 15/2019/TT-BVHTTDL ngày 31/12/2019 của Bộ VHTT&DL quy định chi tiết một số quy định về bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích.

b) Về tổ chức không gian:

- Quản lý khu vực bảo vệ di tích được thực hiện theo điều 32 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Di sản văn hóa (Luật số 32/2009/QH12) và điều 14 Nghị định 98/2010/NĐ-CP ngày 21/9/2010 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Di sản văn hóa và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Di sản văn hóa. Việc cải tạo, xây dựng các công trình hạ tầng kỹ thuật và kiến trúc trong phạm vi xung quanh các hạng mục công trình di tích lịch sử, danh lam, danh thắng.

c) Bảo quản, tu bổ, phục hồi và phát huy giá trị di tích:

- Xác định hình thức bảo tồn, tôn tạo phù hợp với tính chất của từng loại di tích; Công tác bảo quản, tu bổ, phục hồi nguyên trạng công trình di tích, đảm bảo tuân thủ theo quy định của Luật Di sản văn hoá số 28/2001/QH10 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Di sản văn hoá số 32/2009/QH12; Nghị định số 166/2018/NĐ-CP ngày 25/12/2018 của Chính phủ và Thông tư số 15/2019/TT-BVHTTDL ngày 31/12/2019 của Bộ VHTT&DL quy định chi tiết một số quy định về bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích.

d) Về cảnh quan di tích và khu vực được phép xây dựng:

- Cảnh quan xung quanh khu vực di tích phải đảm bảo sự hài hòa, tôn tạo và phát huy được các giá trị của di tích, đảm bảo môi trường sinh thái; Phù hợp với các hoạt động tín ngưỡng, văn hoá tâm linh của nhân dân và du khách.

- Không bố trí các hoạt động kinh doanh trong khu vực bảo vệ di tích (đặc

biệt là khu vực I của di tích – khu vực bảo vệ nghiêm ngặt). Do vậy, việc “bổ trí các hoạt động kinh doanh chuyển sang khu vực bảo vệ cảnh quan di tích và khu vực được phép xây dựng các công trình”.

Phần II **TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

Điều 7. Phân công và quy định trách nhiệm quản lý:

1. UBND huyện Nga Sơn có trách nhiệm:

- Căn cứ vào quy hoạch xây dựng vùng huyện được phê duyệt, tổ chức lập và trình UBND tỉnh phê duyệt các quy hoạch chung đô thị; tổ chức lập, thẩm định, phê duyệt các quy hoạch chung xây dựng xã, quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 theo thẩm quyền.

- Tổ chức chỉ đạo UBND các xã, thị trấn theo thẩm quyền được giao, quản lý chặt chẽ, toàn diện các hoạt động đầu tư xây dựng, phát triển đô thị, phát triển cải tạo và quản lý không gian kiến trúc cảnh quan theo đúng đồ án Điều chỉnh Quy hoạch vùng huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hóa đến năm 2045 và quy định quản lý đã được phê duyệt; chịu trách nhiệm trước UBND tỉnh về công tác thực hiện theo quy hoạch.

2. Các sở, ban, ngành có trách nhiệm: Xây dựng, Tài nguyên và Môi trường, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Giao thông Vận tải, Công Thương, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Văn hóa Thể thao và Du lịch, Y tế, Giáo dục và Đào tạo, Thông tin và Truyền thông; Ban Quản lý Khu kinh tế và các khu công nghiệp và các ban ngành có liên quan theo chức năng nhiệm vụ có trách nhiệm triển khai thực hiện và quản lý nhà nước các lĩnh vực ngành theo quy định của nhà nước và quy định này.

3. Mọi tổ chức và cá nhân có liên quan đến hoạt động xây dựng trong phạm vi của đồ án Điều chỉnh Quy hoạch vùng huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hóa đến năm 2045 có trách nhiệm thi hành quy định này.

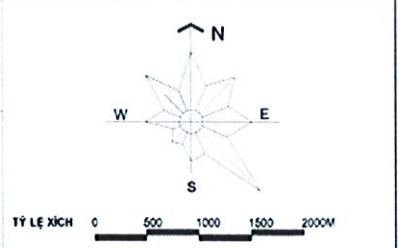
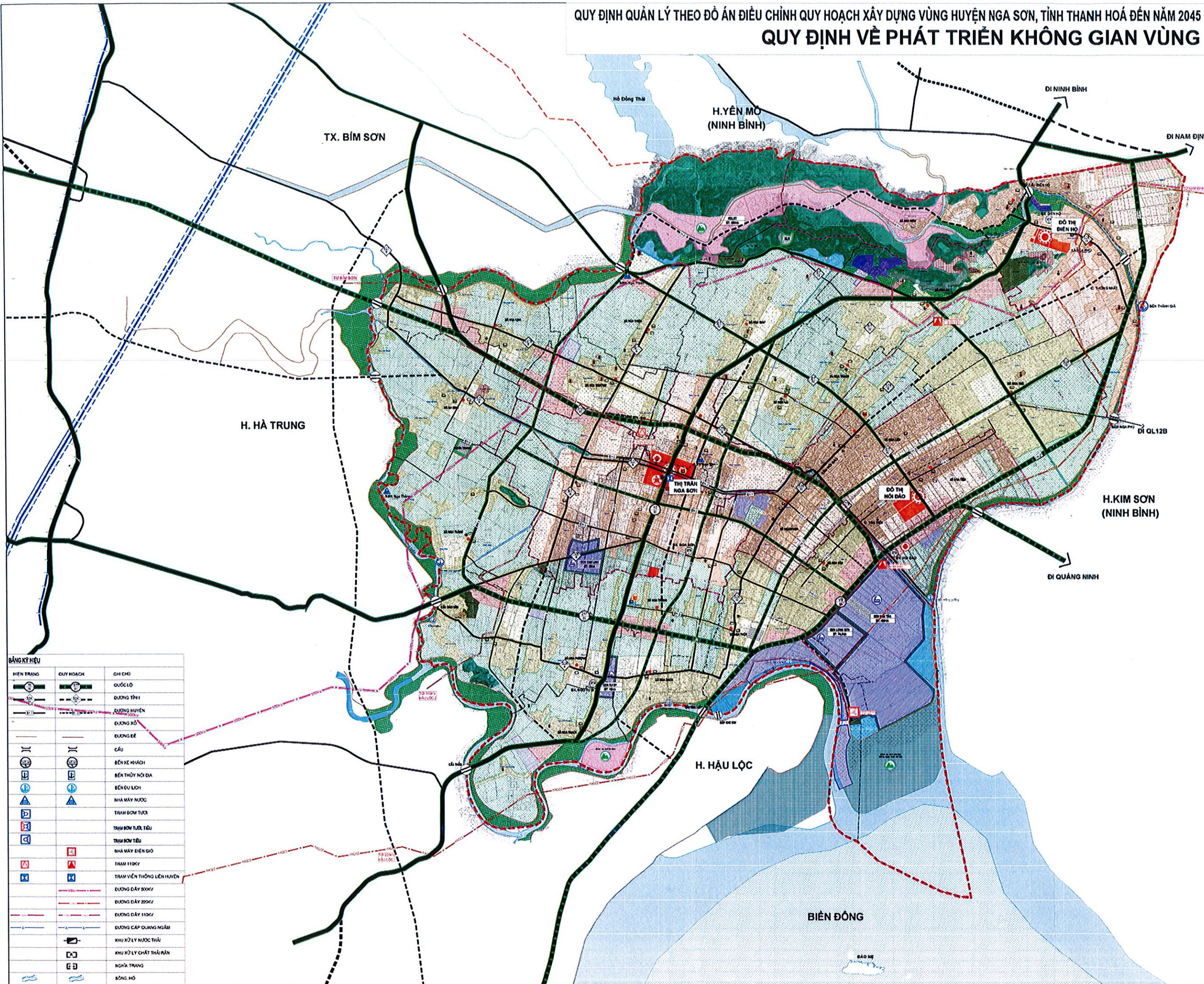
Điều 8. Quy định này được ban hành và lưu trữ tại:

- Các Sở, ngành: Xây dựng, Tài nguyên và Môi trường, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Giao thông Vận tải, Công Thương, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Văn hóa Thể thao và Du lịch, Y tế, Giáo dục và Đào tạo, Thông tin và Truyền thông; Ban Quản lý Khu kinh tế và các khu công nghiệp;

- UBND huyện Nga Sơn và các xã, thị trấn trên địa bàn huyện./.

QUY ĐỊNH QUẢN LÝ THEO ĐỒ ÁN ĐIỀU CHỈNH QUY HOẠCH XÂY DỰNG VÙNG HUYỆN NGA SƠN, TỈNH THANH HOÁ ĐẾN NĂM 2045

QUY ĐỊNH VỀ PHÁT TRIỂN KHÔNG GIAN VÙNG



- CHÚ THÍCH:**
- TRUNG TÂM HC HUYỆN
 - TRUNG TÂM ĐÔ THỊ
 - TRUNG TÂM XÃ
 - RANH GIỚI HUYỆN
 - RANH GIỚI XÃ
 - RANH GIỚI ĐÔ THỊ
 - RANH KHU DU LỊCH
 - Y TẾ
 - THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ
 - GIÁO DỤC
 - CÔNG NGHIỆP
 - TT VĂN HÓA
 - TT THỂ THAO
 - DI TÍCH

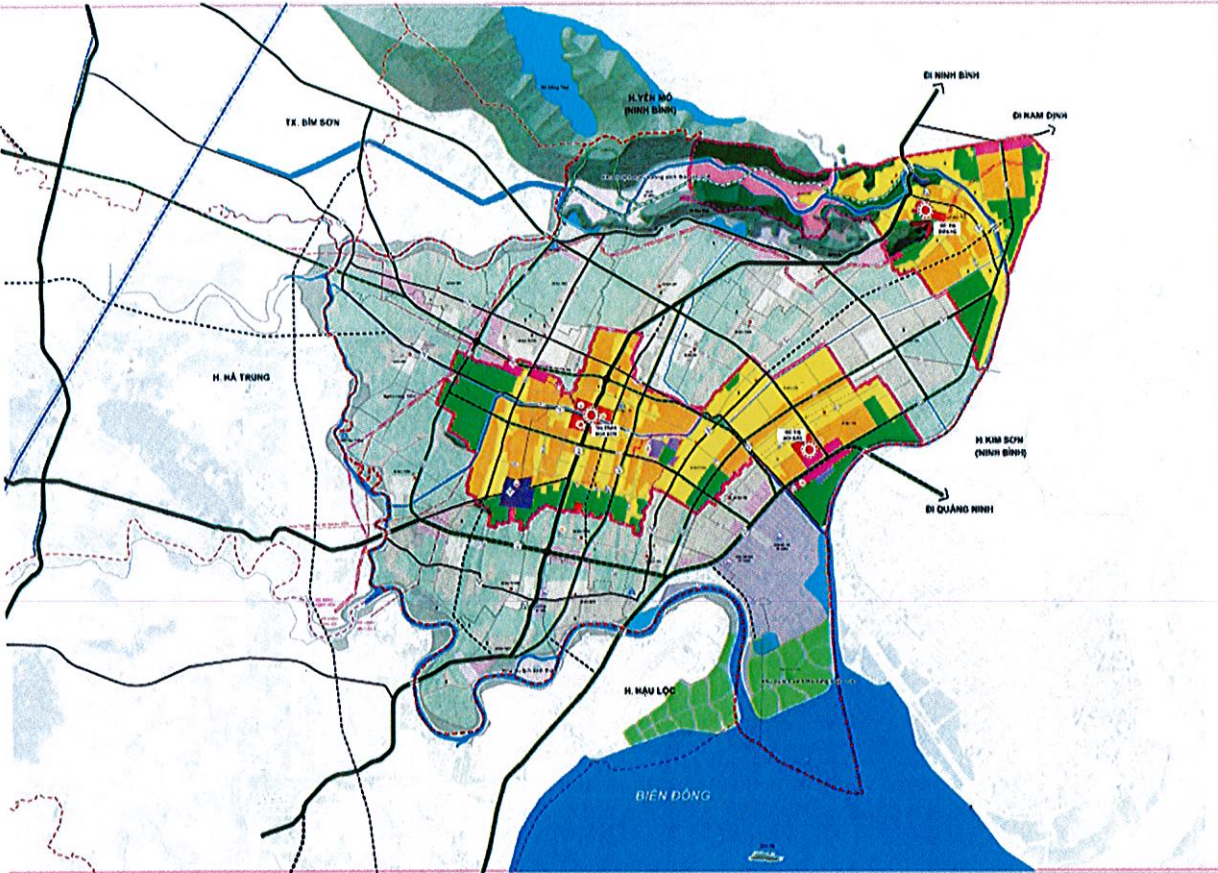
Ký hiệu			
STT	Khu vực chức năng	Hiện trạng	Quy hoạch
1	Khu vực phát triển đô thị		
2	Khu vực phát triển dân cư nông thôn		
3	Khu vực phát triển sản xuất công nghiệp		
4	Khu vực phát triển du lịch		
5	Khu vực thương mại - dịch vụ		
6	Khu vực nông nghiệp		
7	Rừng đặc dụng		
8	Rừng phòng hộ		
9	Rừng sản xuất		
10	Khu vực đầm lầy lịch sử và danh lam thắng cảnh		
11	Khu vực đầu mối hạ tầng kỹ thuật		
12	Khu vực an ninh		
13	Khu vực quốc phòng		

BẢNG KÝ HIỆU	HIỆN TRẠNG	QUY HOẠCH	GHI CHÚ
			QUỐC LỘ
			ĐƯỜNG TỈNH
			ĐƯỜNG HUYỆN
			ĐƯỜNG XÃ
			ĐƯỜNG KÊ
			CẦU
			BẾN XE KHÁCH
			BẾN THỦY NỖI ĐÀ
			BẾN DU LỊCH
			NHÀ MÁY NƯỚC
			TRẠM BƠM TƯỚC
			TRẠM BƠM TƯỚC TIỂU
			TRẠM BƠM TIỂU
			NHÀ MÁY ĐIỆN GIỎ
			TRẠM 110KV
			TRẠM VIENTHÔNG LÊN HUYỆN
			ĐƯỜNG DÂY 500KV
			ĐƯỜNG DÂY 220KV
			ĐƯỜNG DÂY 110KV
			ĐƯỜNG CẤP QUANG GIẢM
			KHU XỬ LÝ NƯỚC THẢI
			KHU XỬ LÝ CHẤT THẢI RẮN
			NGHIA TRANG
			SÔNG, HỒ

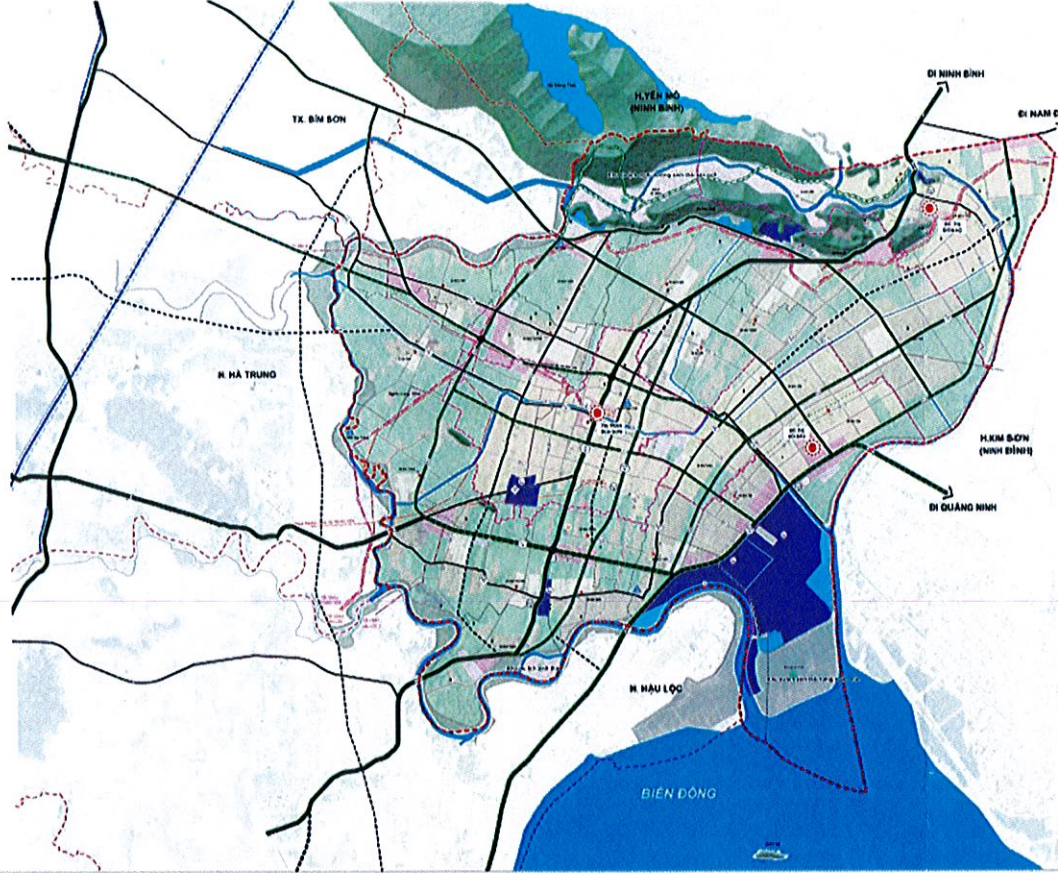
QUY ĐỊNH VỀ CÁC PHÂN VÙNG PHÁT TRIỂN



KHÔNG GIAN PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ



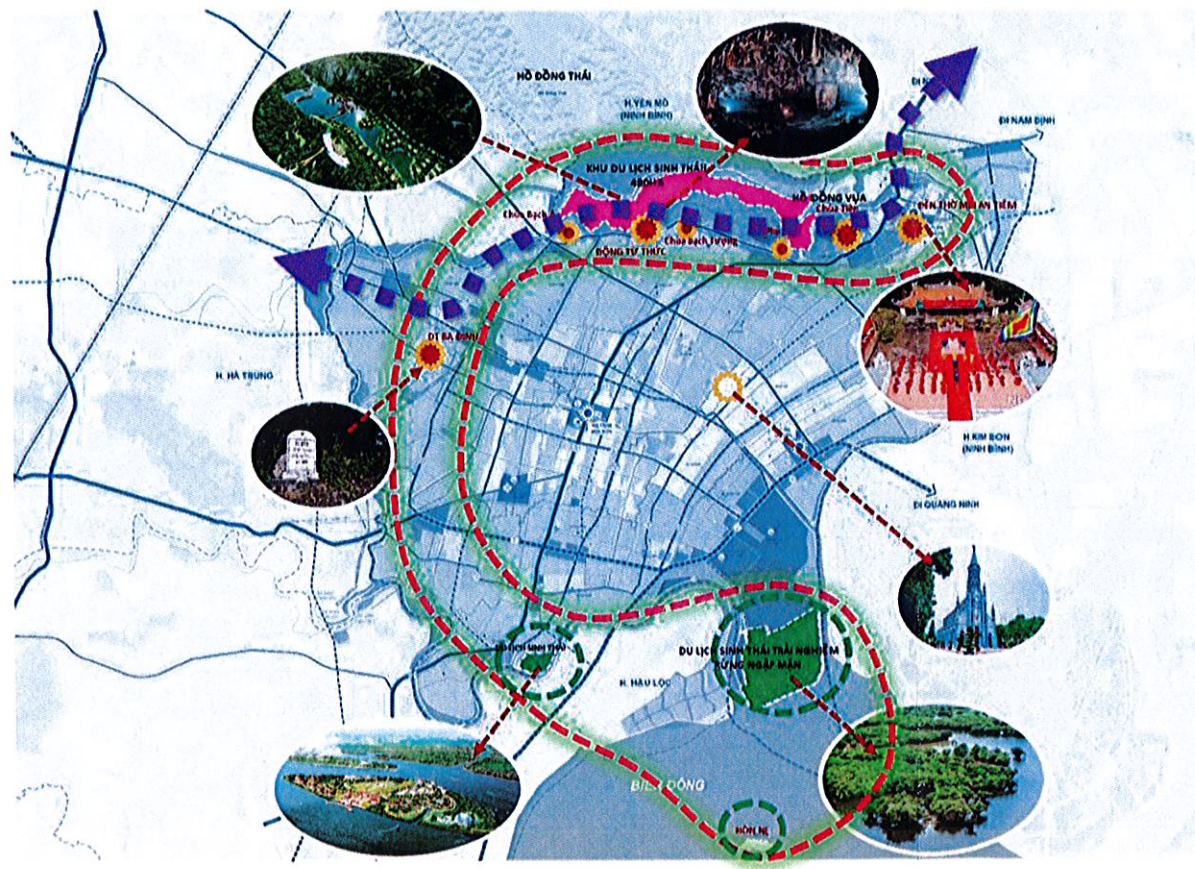
KHÔNG GIAN PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP



KHÔNG GIAN PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP



KHÔNG GIAN PHÁT TRIỂN DU LỊCH



The map shows the region around Thanh Hoa, with Thanh Hoa province highlighted in red. The map includes a compass rose and a scale bar.

KÝ HIỆU	QUY HOẠCH	GHI CHÚ
		QUỐC LỘ
		ĐƯỜNG TÊN
		ĐƯỜNG NGUYỄN
		ĐƯỜNG ĐỒ THỊ, ĐƯỜNG XÃ
		ĐƯỜNG ĐỀ
		CẦU
		BẾN XE KHÁCH
		CẢNG, BẾN THỦY NỘI DẠ
		NHÀ MÁY ĐIỆN LỰC
		TRẠM BIẾN ÁP 110KV
		ĐƯỜNG DÂY KHÔNG ĐIỆN
		ĐƯỜNG DÂY 220KV
		ĐƯỜNG DÂY 110KV
		TƯỖN CẤP QUANG NGUYỄN
		TRẠM YẾN THƯỜNG CẤP VÒNG
		TRẠM BOM TƯỚC
		TRẠM BOM TƯỚC, TIỂU
		TRẠM BOM TIỂU
		NHÀ MÁY NƯỚC
		NHÀ MÁY XỬ LÝ NƯỚC THẢI
		HẠ XỬ LÝ CHẤT THẢI RẮN
		NGHĨA TRANG

THỐNG KÊ NHÀ MÁY NƯỚC TRONG VÙNG THEO CÁC GIAI ĐOẠN					
TT	NHÀ MÁY NƯỚC	CÔNG SUẤT (M3/NGÀY)			CẤP NƯỚC CHO D. THỊ. X.Ã
		HIỆN TRẠNG	GD 2030	GD 2045	
1	NHÀ MÁY YÊN NGUỒN NƯỚC: SÔNG HOẠT	7.000	13.000	17.000	9 XÃ: NGA YÊN, NGA LÊN, NGA TIẾN, NGA TÂN, NGA THANH, NGA VĂN, NGA TRƯỞNG, T.Ị NGA SƠN (NGA HƯNG, NGA MỸ)
2	NHÀ MÁY THÉN NGUỒN NƯỚC: SÔNG HOẠT	10.000	10.500	18.000	8 XÃ: NGA THÉN, NGA GẬP, NGA HẢI, NGA AN, NGA THANH, NGA PHÚ, NGA THÁI, NGA ĐÌNH
3	NHÀ MÁY THẮNG NGUỒN NƯỚC: SÔNG HOẠT	9.800	7.500	9.500	NHÀ MÁY THẮNG CỎ NGUYÊN CÔNG SUẤT ĐẾN 2045
3A	CẤP CHO NGA SƠN	8.800	5.000	6.500	9 XÃ: NGA SƠN, NGA THẮNG, NGA PHƯƠNG, NGA THẠCH, NGA BẠCH, NGA TRUNG, NGA THỦY (THÊM BA ĐÌNH 151 HỒ)
3B	CẤP CHO HẦU LỘC	1.000	2.500	3.000	2 XÃ: QUANG LỘC, LÊN LỘC
4	NHÀ MÁY THÁY NGUỒN NƯỚC: SÔNG LÊN	0	14.000	14.000	KHU CÔNG NGHIỆP LÔNG SƠN, NGA THỦY, NGA TÂN, NGA TIẾN)
CỘNG: NHÀ MÁY NƯỚC		28.800	45.000	48.500	

TT	NHÀ MÁY XỬ LÝ NƯỚC THẢI	XỬ LÝ NƯỚC THẢI CHO ĐÔ THỊ, KTX	VỊ TRÍ XỬ LÝ	CÔNG SUẤT (M3/NGÀY)		NGUỒN TIẾP NHẬN
				GD 2030	GD 2045	
1	NHÀ MÁY T.T. NGÀ SƠN	T.T. NGÀ SƠN	T.T. NGÀ SƠN	5.000	6.400	SÔNG HƯNG LONG
2	NHÀ MÁY Đ.T. HỒ ĐÀO	Đ.T. HỒ ĐÀO	NGÀ THÁI	3.000	3.900	SÔNG CÁN
3	NHÀ MÁY Đ.T. ĐIỆN HỒ	Đ.T. ĐIỆN HỒ	NGÀ PHU	0	2.700	SÔNG CÁN
4	NHÀ MÁY KHU CHỢ NGÀ TÂN	KHU CHỢ NGÀ TÂN, CUNG CẤP LONG SƠN	NGÀ TIẾN	11.500	11.500	SÔNG CÁN
5	XỬ LÝ CỎ ĐỎ TRƯỚC CÁC CỎ SÀM XÁC TỰNG	CUNG CẤP TỰ SỰ	NGÀ BẠCH	500	500	SÔNG LÉN
				20.000	25.000	